

TẬP ĐOÀN  
 THÂN KHOA  
 CÔNG TY CÔNG  
 ĐỊA CHẤT  
 SỐ  
 DỰ THA

NQ-VBG

## DỰ THẢO

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua vào ngày 23 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2025;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

## 1. Kết quả SXKD năm 2024

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NQĐHĐCĐ 2024	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ (%)	
						TH so với NQĐH ĐCĐ	TH so với Kế hoạch
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	86.000	86.000	86.000	100	100
2	Sản lượng	Mét	32.382	32.382	29.124	90	90
3	Tổng Doanh thu	Tr.đ	180.000	180.000	196.912	109	109
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.500	2.500	2.699	108	108
5	Cổ tức phân phối	%	1	1	1	100	100
6	Lao động bình quân	Người	348	348	340	98	98
7	Tiền lương bình quân	Đ/ng-thg	13.831.418	13.831.418	14.823.787	107	107
8	Đầu tư XD CB (có điều chỉnh KH)	Tr.đ	9.948	8.033	7.328	74	91
9	Tuyển dụng lao động	Người	14	14	15	107	107

*Kết quả thực hiện so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024. Sản lượng đạt 90%. Doanh thu đạt 109%, Lợi nhuận trước thuế đạt 108%, cổ tức phân phối đạt 100%, Đầu tư XDCB đạt 91%, lao động bình quân đạt 98%. Các chỉ tiêu khác so với kế hoạch đều đạt và vượt.*

## 2. Kế hoạch SXKD năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	86.000	Vốn điều lệ
2	Sản lượng	Mét	26.823	Sản lượng
3	Tổng Doanh thu	Tr.đ	180.449	Tổng Doanh thu
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.509	Lợi nhuận trước thuế
5	Cổ tức phân phối	%	1	Cổ tức phân phối
6	Lao động bình quân	Người	330	Lao động bình quân
7	Tiền lương bình quân	Đ/ng-thg	13.443.646	Tiền lương bình quân người/tháng
8	Đầu tư XDCB	Tr.đ	14.565	Đầu tư XDCB
9	Tuyển dụng lao động	Người	23	

Giao cho HĐQT chỉ đạo, điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2025 cho phù hợp với những thay đổi, biến động khách quan trong quá trình SXKD của Công ty.

**Điều 2.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Số tiền
I. Lợi nhuận sau thuế năm 2024	2.155.879.364
II. Phân phối lợi nhuận:	2.155.879.364
1. Trả cổ tức ( 1%)	860.000.000
2. Số còn lại sau khi trả cổ tức	1.295.879.364
+ Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.295.879.364

**Điều 3.** Thông qua kết quả chi trả tiền lương, thù lao HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025 như sau:

1. Chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS và Ban lãnh đạo điều hành Công ty năm 2024 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:	
				Lương	Thù lao
1	<b>Hội đồng quản trị</b>	5	272		272
	- Chủ tịch HĐQT	1	62		62
	- TV HĐQT không chuyên trách	4	210		210
2	<b>Ban kiểm soát</b>	3	524	445	79
	- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1	445	445	
	- TV Ban KS không chuyên trách	2	79		79
3	<b>Ban Giám đốc</b>	3	1.294	1.294	
	- Giám đốc	1	480	480	
	- Phó giám đốc	1	425	425	
	- Kế toán trưởng	1	389	389	
	<b>Tổng cộng</b>		2.090	1.739	351



2. Đề xuất mức chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS và Ban lãnh đạo điều hành Công ty năm 2025:

2.1. Mức thù lao kế hoạch của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Mức lương	Tỷ lệ	Số tháng	Thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	1	25,7	20%	12	62
2	TV HĐQT	4	21,9	20%	12	210
3	TV Ban kiểm soát	2	21,9	15%	12	79
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>				<b>351</b>

2.2. Mức tiền lương kế hoạch của Ban lãnh đạo điều hành Công ty.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Mức lương	Hệ số	Số tháng	Quỹ TL
1	Giám đốc	1	24,7	1,5	12	445
2	Phó giám đốc	1	21,9	1,5	12	394
3	Kế toán trưởng	1	20,0	1,5	12	360
4	Trưởng BKS	1	22,9	1,5	12	412
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4</b>				<b>1.611</b>

2.3. Kế hoạch chi tiết tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Ban lãnh đạo điều hành Công ty năm 2025

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:	
				Lương	Thù lao
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>5</b>	<b>272</b>		<b>272</b>
	- Chủ tịch HĐQT	1	62		62
	- TV HĐQT không chuyên trách	4	210		210
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>3</b>	<b>491</b>	<b>412</b>	<b>79</b>
	- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1	412	412	
	- TV Ban KS không chuyên trách	2	79		79
<b>3</b>	<b>Ban Giám đốc</b>	<b>3</b>	<b>1.199</b>	<b>1.199</b>	
	- Giám đốc	1	445	445	
	- Phó giám đốc	1	394	394	
	- Kế toán trưởng	1	360	360	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.962</b>	<b>1.611</b>	<b>351</b>

#### 2.4. Phương thức chi trả:

Tiền lương của Ban lãnh đạo điều hành hàng tháng được trả bằng 80% mức tiền lương kế hoạch; Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách được chi trả bằng 80% mức thù lao kế hoạch vào cuối mỗi quý. Tiền lương và thù lao còn lại được quyết toán theo kết quả hoàn thành kế hoạch SXKD năm của Công ty (Được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua).

Đối với Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, tiền lương và các chế độ khác thực hiện theo quy định hiện hành và Quy chế quản lý của Công ty.

**Điều 4.** Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 do Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam gồm một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

#### **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN thời điểm ngày 31/12/2024**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2023
1	2	3	4
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>183 318</b>	<b>165 117</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>160 151</b>	<b>139 259</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7 379	2 935
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	145 843	125 167
IV. Hàng tồn kho	140	2 943	3 657
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	3 986	7 500
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>23 167</b>	<b>25 858</b>
II. Tài sản cố định	220	21 094	19 253
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
V. Tài sản dài hạn khác	260	2 073	6 605
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>183 318</b>	<b>165 117</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>94 748</b>	<b>77 008</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	94 748	77 008
II. Nợ dài hạn	330		
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>88 570</b>	<b>88 109</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>88 570</b>	<b>88 109</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	86 000	86 000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	415	415
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2 156	1 694
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2 156	1 694
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		
1. Nguồn kinh phí	431		



**Điều 5.** Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV. Giao cho Giám đốc Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán có đủ năng lực phù hợp để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024.

**Điều 7.** Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2024.

**Điều 8.** Thông qua kế hoạch thu, chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025.

**Điều 9.** Thông qua việc sắp xếp lại mô hình tổ chức Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV từ 02 cấp thành 01 cấp, bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và sửa đổi một số điều của Điều lệ Công ty

**Điều 10.** Thông qua việc sửa đổi một số điều của Điều lệ Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV.

**Điều 11.** Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV năm 2025 thông qua một cách hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TKV(b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (b/c);
- TCTLK và BTCK Việt Nam (b/c);
- Các cán bộ quản lý;
- Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Trang Web Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Quang Bình**